

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 17/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sỹ Trinh, bà Phạm Thị Phiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Cán bộ tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài*** tham gia phiên tòa: ông Thạch Kim Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16,17/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/HSST ngày 26/03/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Văn Đ**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 1981; tại Nghệ An; HKTT: ấp Tân Lộc, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Võ Ngọc B, sinh năm 1941 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1943; có vợ là Lê Thị Diễm M, sinh năm 1992, có 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; Cùng nơi cư trú: khu phố Phú Xuân, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thiện N, sinh năm 1973 và ông Trần Thiện Y; Cùng nơi cư trú: lô 431, đường số 7, KDC Vạn Phát, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (vắng)

2. Ông Võ Văn M, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp Tân Cang, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có)

Người làm chứng: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2016, Võ Văn Đ đến thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để kinh doanh hàng mỹ phẩm. Trong thời gian này, Đ quen biết và chơi thân với anh Đỗ Thanh T (có vợ là chị Trần Ngọc T làm giám đốc Công ty TNHH Hoàng Khoa GD, địa chỉ: số 03 đường Trường Chinh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước). Đến ngày 25/3/2017, Đ đến gặp anh T và hỏi vay số tiền 150.000.000Đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng anh T yêu cầu phải thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova, biển số 65A-056.68 (xe ô tô này là thuộc sở hữu của ông Trần Thiện N, ngụ tại: Số 156/31 đường Đoàn Thị Điểm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, xe Đ thuê để làm phương tiện đi lại) thì Đ đồng ý. Khi vay, giữa Đ với anh T viết giấy cầm đồ ghi ngày 25/03/2017, có anh Lê Duy H làm chứng (bút lục 21). Sau khi có tiền, Đ dùng vào việc kinh doanh mỹ phẩm nhưng không được nên đã tiêu xài và đánh bạc với hình thức ghi số đề qua điện thoại di động với người tên T (không rõ nhân thân) tại khu vực thị xã Đồng Xoài thua hết số tiền trên.

Đến ngày 03/4/2017, Đ tiếp tục đến gặp anh T để vay thêm số tiền 50.000.000Đ (năm mươi triệu đồng) thì anh T đồng ý nhưng yêu cầu Đ phải ký lại hợp đồng thế chấp xe ô tô để thay thế giấy cầm đồ trước đây cho đúng quy định thì Đ đồng ý. Sau đó, anh T đưa cho Đ 02 hợp đồng đứng tên Công ty TNHH Hoàng Khoa GD, gồm: 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 65A-056.68 và cho Đ vay số tiền 150.000.000Đ (một trăm năm mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày và lãi suất 6%/tháng (thay thế giấy cầm đồ viết tay vào ngày 25/3/2017) và 01 hợp đồng mới với nội dung tương tự ghi ngày 03/04/2017 với số tiền vay 50.000.000Đ (năm mươi triệu đồng). Thấy vậy, Đ đồng ý ký vào hai hợp đồng vay tiền nói trên cùng với 02 phiếu chi (các bút lục từ 22->29). Sau khi có tiền, Đ tiếp tục tiêu xài và đánh bạc thua hết. Sau đó, Đ nảy sinh ý định tìm cách mượn lại chiếc xe ô tô biển số 65A-056.68 để trả cho anh N và bỏ trốn để không phải số tiền 200.000.000Đ (hai trăm triệu đồng) đã vay của anh T.

Đến ngày 25/4/2017, Đ đi đến gặp anh T rồi cùng nhau đi ăn, uống tại khu vực thị xã Đồng Xoài, đồng thời Đ mượn xe ô tô biển số 65A-056.68 đã cầm cố với T và nói dối sẽ trả lại thì anh T đồng ý. Sau đó, Đ mang xe ô tô biển số 65A-056.68 trả lại cho anh Nhật rồi bỏ trốn. Đến ngày 27/4/2017, anh Đỗ Thanh T có đơn tố cáo. Ngày 10/8/2017, Võ Văn Đ đến Công an xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang để đầu thú. (các bút lục: 33->43; 47; 57->66; 71-> 92)

Về dân sự: Anh Võ Văn M là anh ruột của bị can Võ Văn Đ đã khắc phục trả lại số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho anh Đỗ Thanh T (các bút lục: 19, 20, 93, 94, 103)

Tại bản cáo trạng số 08/CTr – VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài đã truy tố Võ Văn Đ về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và đã tác động đến gia đình bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền

200.000.000đ cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 3 - 4 năm tù.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã chưa thực hiện đúng theo yêu cầu của HĐXX như bổ sung lời khai của Nguyễn Ngọc T hoặc tiến hành đối chất giữa Nguyễn Ngọc T và bị cáo, tuy nhiên do Nguyễn Ngọc T đã có mặt tại phiên tòa. Cũng tại phiên tòa, ông Đỗ Thanh T cho rằng bị cáo không ra đầu thú mà do ông T bắt được và việc điều tra viên lập biên bản về việc người phạm tội ra tự thú (đầu thú) (BL 47) là sai song ông T chưa cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh và xin sẽ cung cấp sau, do vậy, HĐXX tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đủ các căn cứ pháp luật và tiến hành xét xử vụ án này theo trình tự, thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, cụ thể: Ngày 25/3/2017 bị cáo vay của ông T số tiền 150.000.000đ và thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 65A-056. Khi vay, giữa bị cáo và ông T có viết giấy cầm đồ ghi ngày 25/03/2017, có anh Lê Duy H làm chứng (bút lục 120). Đến ngày 25/3/2017 bị cáo vay thêm của ông T, bà T số tiền 50.000.000đ và được vay làm hai lần - *01 lần 10.000.000đ và 01 lần 40.000.000đ* -, khi vay bị cáo có ký vào sổ viết tay do bà T viết và giữ. Tuy lời trình bày của bị cáo không phù hợp với lời trình bày của người bị hại song cả bị cáo và người bị hại đều thừa nhận vào ngày 03/4/2017 bị cáo có vay của ông T, bà T số tiền 50.000.000đ. Sau khi vay tổng số tiền 200.000.000đ, ông T và bà T đã làm lại toàn bộ giấy tờ là phiếu chi và hợp đồng số 01/2015/DATCANTHO V/v cung cấp tín dụng dưới dạng ngắn hạn ghi ngày 25/3/2017 (bút lục 121 – 124) để thay thế cho giấy cầm đồ ghi ngày 25/3/2017 viết tay mà bị cáo đã ký với ông T cùng một phiếu chi và hợp đồng số 02/2015/DATCANTHO V/v cung cấp tín dụng dưới dạng ngắn hạn ghi ngày 03/4/2017 để thay thế cho giấy viết tay trong sổ tay mà bà T đang giữ. Sau đó, do không có khả năng trả số tiền 200.000.000đong đã vay của ông T, bà T bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lợi dụng vào sự tin tưởng của ông T để mượn lại chiếc xe ô tô đã thế chấp rồi bỏ trốn đến ngày 10/8/2017 thì ra đầu thú tại Công an xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, ông T cho rằng bản cáo trạng số 08/CTr – VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài

truy tố về hành vi của bị cáo đã chiếm đoạt của ông số tiền 200.000.000đ là đúng song chưa đủ vì bị cáo đã chiếm đoạt của ông tổng số tiền là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà không phải là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Để chứng minh cho lời trình bày của mình ông T xuất trình và nộp cho HĐXX bản gốc phiếu chi và hợp đồng số 01/2015/DATCANTHO ngày 25/3/2016 V/v cung cấp tín dụng dưới dạng cho vay ngắn hạn (*bút lục 121-124*), tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xét thấy, lời trình bày của ông T có sự mâu thuẫn với nhau về thời gian cho vay, cụ thể tại biên bản ghi lời khai ngày 03/5/2017 (*bút lục 75*) ông T khai: “...*Tôi ký hợp đồng cầm đồ cho Đ vay số tiền 150.000.000đ...bên cạnh đó là Nguyễn Ngọc Thà làm hợp đồng cho Đ vay số tiền là 150.000.000đ ...*” (*bút lục 75-76*); lời khai mâu thuẫn với lời khai của Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa vì cho rằng không biết gì về việc ông T cho bị cáo vay số tiền là 150.000.000đ và việc ông T viết giấy cầm đồ; Lời khai này của ông T cũng mâu thuẫn với lời khai ngày 15/11/2017 (*bút lục*) 71,72), biên bản đối chất (*bút lục 17-18*) của chính ông T trình bày “...*Sau đó 2-3 ngày tôi có đưa cho bị cáo vay số tiền 150.000.000đ...*”. Tại phiên tòa ông T lại trình bày, lần 1 tức lần cho vay 150.000.000đ và viết giấy cầm đồ diễn ra vào lúc 08 giờ đến 10 giờ 30 phút ngày 25/3/2017 thì cho bị cáo vay thêm số tiền 150.000.000đ và cung cấp chứng cứ, tài liệu là phiếu chi và hợp đồng số 01/2015 song chứng cứ, tài liệu này lại bị sai về thời gian và không được bị cáo thừa nhận; ông T còn yêu cầu đưa ông Nguyễn Văn D vào làm chứng, tuy nhiên ông D trình bày chỉ thấy ông T và bị cáo giao nhận số tiền 150.000.000đ và viết giấy tờ thế chấp xe. Lời trình bày của ông D lại phù hợp với với chứng cứ chứng cứ do ông T cung cấp là giấy cầm đồ do ông T viết tay ghi ngày 25/3/2017 (*bút lục 120*).

Từ những phân tích trên, việc người bị hại cho rằng bị cáo chiếm đoạt của người bị hại số tiền là 350.000.000đ là chưa đủ cơ sở và căn cứ pháp luật. Do vậy, bản cáo trạng số 08/CTr – VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố bị cáo về hành vi lợi dụng vào sự quen biết và tin tưởng của ông Đỗ Thanh T, bà Nguyễn Ngọc T để vay số tiền 200.000.000đ bằng hình thức thế chấp xe ô tô biển số 65A-056.68 thuê của ông Trần Thiện N để tiêu xài cá nhân và đánh bài, sau đó bằng thủ đoạn gian dối mượn lại xe ô tô trên đem về trả cho chủ sở hữu rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ đã vay và đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về số tiền 200.000.000đ, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất lòng tin giữa con người với con người, với lối cố ý trực tiếp, bị cáo đã vay của người bị hại tổng số tiền là 200.000.000đ và thế chấp lại xe ô tô mà bị cáo mượn của anh Trần Thiện N. Sau đó do mất khả năng trả tiền cho ông T, bà T nên bị cáo đã nảy sinh ý định mượn xe đã thế chấp cho ông T rồi bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án hơn nữa bị

cáo phạm tội rất nghiêm trọng, vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài đề nghị áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 xử bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Sau khi phạm tội, gia đình bị cáo đã khắc phục, hoàn trả lại số tiền 200.000.000đ cho người bị hại, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và đã ra đầu thú nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

{3} Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông T, bà T khẳng định mặc dù trong các phiếu chi, hợp đồng đều để tên công ty THNN Hoàng Khoa GD nhưng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt thực chất là tiền của ông T và bà T. Sau khi phạm tội bị cáo đã hoàn trả cho người bị hại số tiền 200.000.000đ, yêu cầu của ông T, bà T về số tiền 350.000.000đ không được chấp nhận, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về phần dân sự trong vụ án này.

{4} Đối với yêu cầu của người bị hại về việc tính tiền lãi vì đây là vụ án hình sự nên không được xem xét.

Đối với yêu cầu của người bị hại về số tiền 300.000.000 Đồng (Ba trăm triệu đồng) để trong xe và cho rằng bị cáo lấy được tách ra xem xét, giải quyết trong một vụ án khác khi có yêu cầu và đủ căn cứ pháp luật.

Đối với việc ông T cho rằng bị cáo không đầu thú mà do ông bắt về và tốn khoản chi phí là 50.000.000đ, do tại phiên tòa hôm nay ông T chưa cung cấp đủ chứng cứ, tài liệu do vậy HĐXX tách ra giải quyết trong vụ án khác khi yêu cầu và đủ căn cứ pháp luật.

Đối với số tiền ghi trong tờ giấy có ghi chữ Anh Đ (TP) được trích ra từ sổ tay do bà T cung cấp (có ba lần, tổng 60.000.000đồng) cho HĐXX do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tiền 200.000.000đ do ông M đại diện cho gia đình bị cáo đứng ra hoàn trả cho ông T, bà T. Tại phiên tòa ông M không có yêu cầu gì với số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

{5} Về vật chứng vụ án: chiếc xe ô tô biển số 65A – 056.58 đã được trả lại cho anh N, anh N – anh Y không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

{6} Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: khoản 3 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2017

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, ông T, bà T, ông M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N, ông Y vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thị xã Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thị xã Đồng Xoài;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHAN THỊ MỸ DUNG